

4. Văn chương

ᩈᩢ᩠ᨦᩉ᩠ᩅᩢᨯᩁᩣ᩠ᨦ (Padan)

Tim Hiểu Một Bài Thơ Chàm
ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè, 1968, trang 60-63

Jaya Panrang

Trong văn học Chàm cũng như của các dân tộc văn minh khác, có một số vấn đề thuộc về khẩu truyền như ca dao, tục ngữ, chuyện cổ tích, thần thoại và một số vấn đề khác ghi chép bằng văn tự hắc hoi hoặc khắc trên bia đá kể trên lá gồi hay viết trên giấy v.v... nói về sự tích thần thánh hay ghi công nghiệp lịch sử của vua chúa, anh hùng liệt sĩ v.v...

Những tài liệu Phạn ngữ, một cổ tự mà dân tộc Chàm đã hấp thụ của Ấn Độ từ lâu đời thì nay không còn người Chàm nào có thể đọc được nữa. Chỉ có những tài liệu viết bằng Chàm ngữ, cũng bắt nguồn từ phạn ngữ mà ra nhưng đã được Chàm hóa thành chữ mẹ để dân tộc thì nhiều người còn đọc và viết được khá thông thạo.

Ngày nay, văn tự Chàm chỉ được phổ biến trong phạm vi nhỏ hẹp, vì hầu hết tác phẩm Chàm là những bản viết tay, nên không thể phổ biến rộng rãi được. Hiện giờ chỉ những vị có bổn phận và trách nhiệm lãnh đạo tinh thần, tôn giáo, phong tục và một số khác hăm mộ văn học của ông cha lưu truyền, thì còn gắng công tìm hiểu và học hỏi mà thôi. Nhiều người đã tiên đoán rằng nếu cứ theo đà này, có thể trong tương lai gần đây sẽ không còn ai đọc và viết chữ Chàm được nữa. Những tài liệu văn học Chàm quý giá mà họ đang có trong tay sẽ trở thành những mớ giấy lộn và rồi dần dần sẽ bị chôn vùi trong quên lãng một cách oan uổng, bằng chứng cụ thể là văn bia Chàm (bằng chữ Phạn) không còn người Chàm nào đọc được.

Văn chương Chăm

Tuy sống trong hoàn cảnh tự tạo một cách chật hẹp, ngoài những thi phẩm đã có từ trước, một số người Chăm phải nói là rất ít, thỉnh thoảng còn sáng tác được vài bài thơ về thời sự, phong tục hoặc về tình cảm cá nhân... và chỉ có thể phổ biến chuyên tay ở trong địa phương nhỏ mà thi phẩm ấy được sáng tác.

Người biết làm thơ thì ít, nhưng may mắn thay kẻ thích thưởng thức thơ hầy còn khá nhiều. Vì vậy mà trong các thôn ấp còn giữ lại được nhiều bài thơ xưa và nay.

Thơ Chăm cũng được sáng tác ra nhiều thể khác nhau nhưng đa số thường theo thể trên sáu dưới tám, có thể so sánh với thơ lục bát Việt Nam.

Trong công việc tìm hiểu thi văn Chăm đã gặp phải trở ngại vì các tác phẩm của họ thường không thấy có tên tác giả, ghi thời gian, nên khó mà biết rõ xuất xứ đích xác được.

Như chúng tôi đã nói ở trên, thơ Chăm có nhiều thể, song trong phạm vi bài thơ mà chúng tôi sắp giới thiệu cùng đọc giả dưới đây là một bài thơ gồm tám câu, cách gieo vần trên bốn tới sáu chữ, nguyên tác bằng chữ Chăm, nhưng chúng tôi có thêm phần phiên âm bằng La ngữ ở dưới từng chữ Chăm để giúp những độc giả chưa đọc được Chăm như:

Nguyên tác bài thơ

ꨀꨁ ꨀꨂꨃ ꨀꨄ ꨀꨅ¹
krâm blaoh hu mata,
ꨀꨆꨇ ꨀꨈꨉ ꨀꨊ ꨀꨋ ꨀꨌꨍꨎꨏꨐ,
tamuh ngaok kara oh hu akaok,,
ꨀꨑ ꨀꨒ ꨀꨓꨔ ꨀꨕꨖꨗ²
dua deng talei kabuak
ꨀꨘꨙꨚ ꨀꨛꨜ ꨀꨝꨞ ꨀꨟ ꨀꨠ ꨀꨡ,
asaih khaot ngaok rah raong kara

¹ Có chỗ viết ꨀꨅ, bala = ngà voi.

² Có chỗ viết ꨀꨓ ꨀꨔ ꨀꨕ ꨀꨖ, *diang talay mang kabuak*: giăng dây bằng tơ sợi.

Văn chương Chăm

ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
asaih takhaot kara maraw
ꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
jak gep mangaw préw thaow asaih
ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣ ꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
takhaot bak danak bak glaih
ꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣꨣ,³
hua gep jaih daok sa gok

Tạm dịch thoát ra thơ lục bát Việt Nam

Cây tre không mắt không gai,
Mọc trên rùa nọ cái mai không đầu,,
Chỉ tơ hai sợi buộc vào,
Ngựa phi qua lại trên cao lưng rùa,,
Ngựa phi rùa vội phân bua,
Đồng thanh ca hát, lại vừa ghì cương,,
Ngựa phi đuổi sức, cùng đường,
Ngựa rùa hiệp lại vào nươg cùng chuồng,,

Phân tích:

I) Như trên đã thấy, lối gieo vần của bài thơ này có thể nói là thể thơ “tứ lục”, chữ cuối của câu 4 vần với chữ thứ ba của câu 6, rồi chữ cuối của câu 6 lại vần với chữ cuối của câu 4. Trên nguyên tắc, cứ thế mà tiếp tục cho đến hết bài thơ.

Tuy nhiên trong bài thơ này có hai điểm khác thường, nghĩa là không theo đúng “niêm luật”, vì:

a) Câu thứ tư chữ cuối vần *a* (*kara*) mà chữ cuối của câu thứ năm lại vần *ao* (*kamrao*).

b) Đáng chú ý hơn, vì câu thứ bảy, thay vì 4 chữ theo niêm luật như các câu trên, trái lại câu này có đến 5 chữ nhưng ở đây chúng tôi không đặt nặng vấn đề niêm luật và chỉ cốt tìm hiểu ý nghĩa bài thơ mà thôi.

³ Có chỗ viết ꨣꨣꨣꨣ, *kasaok*, một góc, một nơi kín.

II) Người ta có thể phân tích bài thơ ra làm bốn đoạn và mỗi đoạn miêu tả một vấn đề:

1) Ba câu đầu tả các bộ phận của cây đàn.

2) Câu bốn và năm nói về cung đuôi ngựa (mã vĩ cầm) và động tác kéo đàn, kéo lui đẩy tới cán cung trên mai rùa, cung cọ xát vào hai sợi dây phát âm thanh ai oán nã nùng. Tác giả diễn hình hóa cái cung thành con ngựa, động tác kéo đàn thành ngựa phi trên lưng con rùa và tiếng đàn trở lên là tiếng rùa than thở, phân bua.

3) Câu sáu, nói về lời ca, tiếng nhạc hòa âm. Nên hiểu thêm, thường thường người Chăm hay đồng ca hơn là đơn ca, nhất là tang lễ. Hơn nữa, bài này đã đặt nặng trong vấn đề tang chế, và khi đồng ca như vậy thì lời ca lẫn át tiếng đàn nên có câu “*đồng thanh ca hát lại vừa ghì cương*”. Ngựa đang phi nước đại mà bị ghì cương lại thì bắt buộc phải giảm tốc độ, cũng như lời ca cao giọng thì làm giảm mất tiếng đàn. Hơn nữa, khi có lời ca thì tiếng đàn chỉ làm nhiệm vụ đánh nhịp mà thôi.

4) Hai câu chót, diễn tả khi đàn xong, người ta xếp cung đàn theo chiều dài của thân đàn móc lên trục lên dây rồi cất chung vào một cái túi may bằng vải, cho nên có câu: “*ngựa rùa hiệp lại vào nươg cùng chuồng*” “là do ý đó”.

Tóm lại, bài thơ trên đây có dụng ý miêu tả một cây đàn mai rùa với tánh cách một bài thơ đố. Cây đàn này người Chăm gọi là *Kanyi baong kara* và gọi tắt là “*Kanyi*”, đàn nhị mai rùa hay đàn nhị. Đến đây, chúng tôi phân vân về danh từ “*kanyi*” của Chăm và “*nhị*” của Việt có ảnh hưởng gì với nhau không?

Cũng nên nói thêm rằng, nếu ai đã có dịp thưởng thức âm điệu *Kanyi* và tiếng hát “*baklam*” của thầy *Kadhar* (hát tế của thầy lễ), tiếng đàn và tiếng *samas* (hát xướng) tang lễ thì thật là thâm thúy và càng nổi bậc tài mô tả cây đàn *Kanyi* của thi sĩ qua bài thơ này./-

Văn chương Chăm

Cổ huấn thi Ariya Gleng Anak

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 11

Lưu Quý Tân

Situ tâm và trích dịch

*Sách Gleng Anak (1) cổ nhân viết rõ:
Giống người Chăm hiện ở bốn vùng
Phan Rang, Phan Rí, Lòng Sông,
Phố Hải đều cũng một giòng mà ra
Chiêm Thành mát, quốc gia điều mát,
Nước suy vong, mảnh đất không còn.
Lần qua trang sử vàng son,
Anh hùng, liệt sĩ chẳng còn một ai.
Quốc gia vong, u hoài số phận,
Dân tộc suy, tử hận mệnh trời.
Kìa xem cây lá xanh tươi,
Khi rụng về cội, chẳng rơi ngã nào.
Sắt thép cứng nhai đâu có dễ,
Quyết lòng nhai, răng bể, máu tuông.
Khuyên ta đặt nặng tình thương,
Sống trong đoàn kết, nhịn nhường lẫn nhau.
Tránh không nên gieo sâu rắc thảm,
Đối với nhau thông cảm dưới trên.
Không vì: danh, lợi, thế, quyền,
Xéo dày nòi giống, lụy phiền tổ tông.*

(1) Một bài thơ cổ Chăm đang lưu truyền trong dân chúng ở các thôn ấp Chăm hiện nay (giống như *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi VN)

Dân Ca Cam Bani

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 100-101

Ja Pariya

*Thei mai mang déh thei o,
Dreh phik kau lo yaom sa urang.,*

Văn chương Chăm

*Thei thau ka tian kau ka,
Njam pan di aia mang thau ka tian,,
Cam saong Bani sa paran,
Thei anâh jalan awal ahiér,,
Cam saong Bani ké atah,
Yaom sa darah kal mang dahlau,,
Mbuah kar di Pô Nabi,
Anâh ngap Bani saong ngap Cam,,
Khaol ita anak Adam,
Bhap anak Cam abih sa kadha,,
Likau juai anâh paribha,
Pagul gap ka mang khang kadeng,,,*

Giới thiệu một bài đồng dao Chăm

ƯỚC VỌNG, số 03, Năm 1971, trang 48 - 50

Ja Tanranh

Ngày nay, người dân Chăm còn giữ được phần nào nền văn hóa cổ xưa của họ. Nhìn vào lối ăn mặc, hình thức nhà cửa, sự tín ngưỡng, cách hành xử phong tục... Đủ thấy rõ sắc thái đặc biệt đó.

Về đời sống tinh thần, họ vẫn truyền tụng những bài thơ, những bài hát, những câu ca dao, tục ngữ... rất phong phú, phản ánh tâm hồn, nếp sống của cả dân tộc.

Dưới đây chúng tôi xin phiên dịch một bài Đồng dao để giới thiệu với bạn đọc một khía cạnh nhỏ của nền văn chương Chăm.

*Kaok ley kaok, njép hagait hô liwang
Dang o ndong
Dang ley dang; njép hagait hô o ndong
Harek ralo
Harek ley harek njép hagait hô ralo?
Kubaw o mbeng
Kubaw ley kubaw njep hagait hô o mbeng*

Văn chương Chăm

Jamâng o kalaih
Jamâng ley jamâng njép hagait hô o kalaih
Ja Mbaih o gleng
Ja Mbaih ley Ja Mbaih njép hagait hô o gleng?
Tian pa-ndik
Tian ley tian njép hagait hô pa-ndik?
Lithei matah
Lithei ley lithei njép hagait hô matah?
Njuh baok
Njuh ley njuh njép hagait hô baok?
Hajan kathaiy
Hajan ley hajan njép hagait hô kathaiy?
Kiếp giraw kaduk
Kiếp ley kiép njép hagait hô giraw kaduk?
Mang muk mang kei mai yau nan kar

Dịch nguyên nghĩa

Cò ơi cò sao mà y ố m?
- Tại tôm không nổi.
Tôm ơi tôm sao mà y không nổi?
- Tại cở nhiều.
Cỏ ơi cỏ sao mà y nhiều?
- Tại trâu không ăn.
Trâu ơi trâu sao mà y không ăn?
- Tại thằ ng mằ ng không mở.
Mằ ng ơi mằ ng sao mà y không mở?
- Tại thằ ng Mbaih không chẳ n.
Mbaih ơi Mbaih sao mà y không chẳ n?
- Tại bụng đầ u.
Bụng ơi bụng sao mà y đầ u?
- Tại cớ m sống.
Cớ m ơi cớ m sao mà y sống?
- Tại củ i ướ t
Củ i ơi củ i sao mà y ướ t?
- Tại mầ phùn.
Mầ ơi mầ sao mà y phùn?

Văn chương Chăm

- Tại Ếch gãi háng.
- Ếch ơi ếch sao mà y gãi háng?
- Tại tổ tiên truyền như vậy.

Tadhau ayuh (Cung chúc)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 29

(ƯỚC VỌNG hân hạnh giới thiệu một thể thơ thất ngôn bát cú Chăm)

*TADHAU ayuh saih Cam ran magru,
 AYUH sak, kheng kadeng, jak: caong bihu,,
 PARAN Cam ra-mbah ra-mbâp hadom maong akaok,
 CAM drei pataom gap wek sa gru.*

*NGAOK Uluah, la drei hec rai biruw!
 JALAN hadah yam nao ka mâng thau.
 HADAH hrei, hrei dah oh malau mbaok,
 HADAI gap ginum prân ngap ka lok biruw.*

Jaya Yut Cam
 Banmêthuôt, October 1965

Tình hoài hương (Tình hoài hương)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 76-78

Pok payua ka Dương Tấn Thi saong Tôn Sung (Q.G.H.C) Sài gòn

Jaya Yut Cam

๑๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐ [< ๑๒๓๔] ๕๖๗,
 ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗,
 ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗,
 ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ [< ๑๒๓๔๕๖๗], ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖ ๘๙๐,,

Văn chương Chăm

*Tamakai, tangey mbak, patuei habei klik yamân.
Taom thunрук ngap mang prân,
Njuh ndua, gilainг caoh, pabah ân ka anâk magru.
Anit lo Aia Binguk, Aia Li-u,
Taom thun kho ra-mbah, ké hu hamu kubaw,
Kathaot min, adei seh buy klao,
Njuah, rusa, tapai, praok baoh kayau dalam glai.
Anit lo bhum Ram rah rai,
Jaik jalan, nao wek, halar hatai tuai janguai.
Kathaot jien, oh kathaot di ca-mbuai,
Gheh di ndom puec talang taluai panuec kadha.
Anit lo palei gah Baoh Dana,
Kraong praong bhum ginup hamu dua birieng, halim.
Cheh chai praong anaih buy ma-in,
Yuak li-aua, li-aua yuak hajan angin njep bilan.
Anit lo Hamu Tanran takik hajan,
Bac magru akhar tapuk kareh pachang Cam drei.
Tanâh pajieng jak gheh likei, kumei,
Pathar patharрук hagait abih drei buy tian.
Anit lo Hamu Craok Danao Panrang,
Taom thun ngap gaok ngap khang ndua pablei.
Kathaot lo bhum Caklaing, Pacaong biruw,
Aban, khan, dalah, jih, jang thau abih drei,
Tari tarieng ngapрук taklam harei,
Tuak tuei krung krâc muk kei pamajieng.
Sei tama nagar dalam ndom hai,
Jalan nao min atah, adei sa-ai oh rabha.
Sei nao nagar Parik brei payua,
Su-uh su-auen tian anit pa-ndik pa-ndua Cam drei.
Sei nao nagar Pajai ndom brei,
Kayua su-uh su-auen adei, mbaok daok nde cawan.
Sei nao nagar Kraong jaik jalan,
Biak je adhua atah, min tian tuei ba.
Sei nao ngaok jalan canah dua,
Hadar hai panuec klak ndom payua mang dahlau,
Sei nao ngaok jalan canah klau,
Maong karah di canau: hadar Cam kho ra-mbah.*

Văn chương Chăm

*yua adei, kamuon marat sa kadha,,
klaoh hatai bhut tik aia,
marat sa kadha that klaoh saong gep,,
tana siam khik ngap binjep,
rakun jhak tachep klak baik adei,,
ni dom panuec sa-ai kakei,
payua grep adei ndaom peng pajip,,*

អាវចា ហម (Khuyên học)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 97

ចាហម (Ja Thoi)

អាវចា ថ្ងៃ ណែក អាវចា ឆាវ,
កាវណ ឆាវ អាវចា អាវចា ហម ឆាវ,,
អាវចា ម៉ ណ វា ឆាវ,
ឆាវ កាវ ឆាវ អាវចា អាវចា ឆាវ,,
អាវចា ម៉ ឆាវ ឆាវ ឆាវ,
ថ្ងៃ ហម ឆាវ ឆាវ កាវ ណ ឆាវ,,
“កា”, “កា”, “កា”, ហម ឆាវ ឆាវ,
អាវចា ថ្ងៃ ឆាវ អាវចា អាវចា កាវ,,
អាវចា “កា” ឆាវ អាវចា “កា”,
“កា” ឆាវ “កា” អាវចា អាវចា ឆាវ ឆាវ,
“កា” ឆាវ “កា” ឆាវ ឆាវ ឆាវ,
ថ្ងៃ កាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ,,
អាវចា ឆាវ ឆាវ ឆាវ,
ថ្ងៃ កាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ,,
ឆាវ ឆាវ កាវ ឆាវ ឆាវ,
ថ្ងៃ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ ឆាវ,,

Văn chương Chăm

Caong Takrâ

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 102

(Ước Vọng hân hạnh giới thiệu cùng độc giả một bài thơ tự do Chăm)

Thành Thảo

*Tian ley hâ caong hagait?
Caong pataom hai caong pabrai?
Caong ka Cam sa hatai,
Caong ka hu bhum Cam seh sai,,
Caong ka hu baruw birang,
Caong ka Parik saong Panrang,,
Ngap habar jieng wek Pandarang,
Ka bhap paran Cam kheng kadeng,,*

*Tian ley tian hâ takrâ hagait?
Takrâ ka abih grep halau,
Juai ngap angin raok thrau hadau,,
Halim hajan ka that harek kayau,
Njam thraow, pluy mabaoh, tangey tabau biak yamân,,
Klah di atung aek abih prân,
Caong takrâ grep manât... oh damân caong takrâ,,,*